

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
đã được soát xét



Được soát xét bởi:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ
Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13 - 14
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15 - 108



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024.

CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);
- Hoạt động cửa đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 06/08/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Công ty con của Công ty đã ký Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án BOT với tổng mức đầu tư mới là 18.903.890.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch
Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch
Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch
Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch
Nguyễn Minh Giang	Thành viên
	(từ ngày 26/06/2024)
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Dương Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 02/05/2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng	Trưởng ban
Phạm Văn Hùng	Thành viên
	(từ ngày 26/06/2024)
Hồ Thị Hương	Thành viên
Phạm Ngọc Quý	Thành viên
	(từ ngày 26/06/2024)

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng:

An Văn Thiện



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Khương Văn Cường

Số: ~~711A~~/BCSX/TC/2024/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024 từ trang 07 đến trang 108, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 kết thúc cùng ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024
**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng giám đốc**



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.017.694.130.431	7.630.000.282.526
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.593.953.244.813	1.874.653.256.514
111	Tiền		520.454.127.924	628.905.490.054
112	Các khoản tương đương tiền		1.073.499.116.889	1.245.747.766.460
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		284.023.081.940	565.620.976.997
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	284.023.081.940	565.620.976.997
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		4.953.867.899.511	4.273.307.685.807
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.776.830.514.298	1.462.882.347.341
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	1.464.774.080.944	1.075.510.384.336
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	611.661.170.020	687.105.213.923
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06	1.117.940.804.144	1.065.148.410.102
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.07	(17.338.669.895)	(17.338.669.895)
140	Hàng tồn kho	V.08	1.057.731.204.298	780.309.459.981
141	Hàng tồn kho		1.057.731.204.298	780.309.459.981
150	Tài sản ngắn hạn khác		128.118.699.869	136.108.903.227
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	34.912.934.944	37.662.049.111
152	Thuế GTGT được khấu trừ		25.384.130.628	59.455.252.172
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	67.821.634.297	38.991.601.944



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		39.506.124.692.363	38.780.402.786.796
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.155.141.417.999	1.001.061.201.484
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	213.498.280.725	205.909.761.114
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	337.408.712.669	628.014.920.435
216	Phải thu dài hạn khác	V.06	604.234.424.605	167.136.519.935
220	Tài sản cố định		28.992.016.699.041	29.359.454.063.424
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	28.630.524.861.984	28.991.228.993.675
222	Nguyên giá		31.113.219.178.582	31.218.031.602.896
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.482.694.316.598)	(2.226.802.609.221)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	117.214.906.155	123.873.357.145
225	Nguyên giá		149.471.825.912	145.054.045.003
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.256.919.757)	(21.180.687.858)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	244.276.930.902	244.351.712.604
228	Nguyên giá		248.266.710.280	247.581.510.280
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.989.779.378)	(3.229.797.676)
230	Bất động sản đầu tư	V.13	292.345.687.788	293.512.298.778
231	Nguyên giá		325.269.464.738	325.269.464.738
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.923.776.950)	(31.757.165.960)
240	Tài sản dở dang dài hạn		43.853.334.851	27.997.962.736
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	43.853.334.851	27.997.962.736
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.381.312.588.324	1.318.344.062.591
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	1.174.587.128.324	1.129.560.602.591
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.02	177.725.460.000	159.783.460.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	29.000.000.000	29.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		7.641.454.964.360	6.780.033.197.783
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.09	7.467.360.836.717	6.600.385.319.595
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.22	147.919.613.372	150.221.028.615
269	Lợi thế thương mại		26.174.514.271	29.426.849.573
270	TỔNG TÀI SẢN		47.523.818.822.794	46.410.403.069.322

11720-C
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN ĐỀO CẢ
5915

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		33.444.917.123.426	33.681.914.722.706
310	Nợ ngắn hạn		4.595.566.330.762	4.871.365.518.517
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	1.262.272.978.992	1.469.800.386.283
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	28.971.658.261	6.809.801.450
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17	84.874.646.682	148.490.916.780
314	Phải trả người lao động		51.998.059.733	67.472.079.569
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	600.079.440.183	486.323.488.729
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	2.479.172.849	3.324.080.258
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.20	882.185.981.156	805.197.062.786
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21	1.671.444.535.210	1.876.337.729.335
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.259.857.696	7.609.973.327
330	Nợ dài hạn		28.849.350.792.664	28.810.549.204.189
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15	555.169.601.090	362.364.750.327
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16	3.279.129.186.683	3.726.344.563.867
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.18	5.274.335.388.804	4.754.996.834.525
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	91.728.645.962	92.439.847.159
337	Phải trả dài hạn khác	V.20	73.965.766.299	83.930.473.182
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21	19.373.001.204.907	19.587.140.340.057
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.22	202.020.998.919	203.332.395.072

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.23	14.078.901.699.368	12.728.488.346.616
410	Vốn chủ sở hữu		10.806.093.386.566	9.455.680.033.814
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.079.662.000	(876.900.000)
414	Vốn khác của chủ sở hữu		45.871.223.229	45.871.223.229
418	Quỹ đầu tư phát triển		35.901.376.233	34.339.789.857
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.512.866.260	4.210.358.842
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		715.567.839.193	598.765.962.491
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		594.975.823.560	295.653.297.866
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này		120.592.015.634	303.112.664.625
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.791.643.269.651	4.566.852.449.395
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.272.808.312.802	3.272.808.312.802
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.272.808.312.802	3.272.808.312.802
440	TỔNG NGUỒN VỐN		47.523.818.822.794	46.410.403.069.322

Người lập biểu

Nguyễn Đức Mạnh

Kế toán trưởng

An Văn Thiện

TP.HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Khương Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày		
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	4.045.478.133.819	1.919.568.744.392
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	4.045.478.133.819	1.919.568.744.392
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	VI.02	3.120.798.565.673	1.273.575.486.533
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		924.679.568.146	645.993.257.859
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	89.138.202.976	131.487.956.470
22	Chi phí tài chính	VI.04	441.494.019.737	412.670.957.934
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		432.839.949.724	360.800.135.954
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		45.026.525.733	38.025.235.690
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	151.205.496.096	120.743.758.614
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		466.144.781.022	282.091.733.471
31	Thu nhập khác	VI.06	4.475.274.434	63.965.566.075
32	Chi phí khác	VI.07	5.004.979.556	4.168.618.491
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác		(529.705.122)	59.796.947.584
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		465.615.075.900	341.888.681.055
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.09	74.895.173.999	57.171.627.146
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.10	925.360.147	(22.249.262.360)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		389.794.541.754	306.966.316.269

5011729
CÔNG TY
TNHH
H V U T U V
H Í N H K É T
K I E M T O Á
P H Í A N A M
T.P.HỒ C

TẬP Đ
Đ C A
O U P
13365

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày		
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND	
Phân bổ cho:				
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	177.210.851.904	155.447.109.682	
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	212.583.689.850	151.519.206.587	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	421	370
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	281	188

TP. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Nguyễn Đức Mạnh

Kế toán trưởng

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	465.615.075.900	341.888.681.055
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), bất động sản đầu tư, phân bổ lợi thế thương mại và lãi từ giao dịch mua giá rẻ	272.314.520.147	156.307.818.462
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(133.992.549.788)	(170.788.204.372)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	433.603.586.086	361.563.772.316
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.037.540.632.345	688.972.067.461
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(1.123.458.661.637)	647.368.403.444
10	Tăng hàng tồn kho	(277.421.744.317)	(724.660.960.994)
11	Tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	746.108.032.414	1.095.095.906.097
12	Tăng chi phí trả trước	(30.726.508.215)	(7.077.875.647)
14	Tiền lãi vay đã trả	(583.164.412.192)	(616.360.233.919)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(117.294.575.164)	(98.664.481.328)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(348.417.236.766)	984.672.825.114
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(161.307.740.477)	(301.098.037.113)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	18.488.493.035
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(418.039.613.191)	(352.671.796.271)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.049.243.758.515	311.424.500.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(17.942.000.000)	(390.983.460.000)
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	34.795.149.493	50.782.212.113
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	486.749.554.340	(664.058.088.236)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	400.000.000
32	Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(8.600.000.000)
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	459.152.272.604	550.489.546.513
34	Chi trả nợ gốc vay	(861.186.032.411)	(601.204.701.439)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(16.998.569.468)	(13.416.845.645)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(419.032.329.275)	(72.332.000.571)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(280.700.011.701)	248.282.736.307
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.01 1.874.653.256.514	1.227.308.649.543
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	V.01 1.593.953.244.813	1.475.591.385.850

TP. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Nguyễn Đức Mạnh

Kế toán trưởng

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tập đoàn có 3.864 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 3.997 nhân viên)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty

Công ty con:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2024	01.01.2024	30.06.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả <i>Tỷ lệ trực tiếp</i> <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	17,39%	21,29%	17,44%	21,34%
		1,35%	1,23%	1,35%	1,23%
		16,04%	20,06%	16,09%	20,11%
2	Công ty Cổ phần BOT-Hưng Phát <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
		90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
		99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam <i>Tỷ lệ trực tiếp</i> <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	79,72%	94,51%	96,17%	96,17%
		76,25%	94,06%	76,25%	94,06%
		3,47%	0,45%	19,92%	2,11%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
		84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	17,28%	21,15%	99,37%	99,32%
		17,28%	21,15%	99,37%	99,32%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	12,77%	15,35%	73,41%	72,09%
		12,77%	15,35%	73,41%	72,09%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	11,31%	14,98%	65,03%	70,36%
		11,31%	14,98%	65,03%	70,36%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	78,92%	93,57%	99,00%	99,00%
		78,92%	93,57%	99,00%	99,00%
10	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	79,28%	93,99%	99,45%	99,45%
		79,28%	93,99%	99,45%	99,45%
11	Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	79,32%	94,12%	100,00%	100,00%
		79,32%	94,12%	100,00%	100,00%
12	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh <i>Tỷ lệ trực tiếp</i> <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	69,57%	72,37%	85,00%	85,00%
		55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
		14,57%	17,37%	30,00%	30,00%



I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2024	01.01.2024	30.06.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	8,23%	10,05%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	5,50%	6,73%	31,60%	31,60%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	49,97%	49,97%	49,97%	49,97%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP. Tuy Hoà, Phú Yên, Việt Nam
2	Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vang, xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
3	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
4	Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Tầng 16, Số 265 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Ninh Thuận	Thôn Trà Nô, xã Phước Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
6	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Bình Thuận	Phía Đông, xã Phan Dũng, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
7	Xí nghiệp Cơ giới - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác

i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190);

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120); quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 4.116.801.690.000 VND

ii) Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình công ích;

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 78.000.000.000 VND

iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kim loại quý và đá quý).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 1.129.130.000.000 VND

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

iv) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659) là ngành nghề kinh doanh chính.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 640.000.000.000 VND

v) Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ bảo vệ; hoạt động dịch vụ bảo vệ cá nhân.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 7.900.000.000 VND

vi) Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/09/2023.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/7/2019, Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-GTVT ngày 23/4/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Nhà đầu tư, Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT (Doanh nghiệp dự án) về việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tầm suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 11 năm 4 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 296.310.000.000 VND

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

vii) Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/03/2024.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐT/TTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

+ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000 VND
+ <i>Vốn tự có:</i>	1.749.864.583.000 VND
+ <i>Vốn khác:</i>	1.438.432.378.000 VND
+ <i>Vốn vay:</i>	13.375.708.235.000 VND
+ <i>Vốn Nhà nước hỗ trợ:</i>	5.048.002.979.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 11 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 11 tháng;

+ Hạng mục hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 11 tháng;

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

vii) Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)

+ Hạng mục hầm Hải Vân 1 và hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 11 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 2.281.036.400.000 VND

viii) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 19 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/03/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – TP. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo phương án tài chính:	12.188.665.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay:	10.543.195.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 24 năm 2 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 1.780.498.740.000 VND

ix) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy phép thay đổi lần thứ 6 ngày 03/04/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

ix) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)

+ Dự án đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tầm suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000 VND
+ Vốn vay:	2.305.030.200.000 VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11.5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 13 năm 2 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 305.000.000.000 VND

x) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/04/2023.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của dự án thành phần 2 thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

x) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (tiếp theo)

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 176.000.000.000 VND

xi) Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 15/06/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.925.480.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9,99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 17 năm.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 1.030.000.000.000 VND

Tại ngày 30/06/2024 dự án Cam Lâm Vĩnh Hảo đã đi vào hoạt động và bắt đầu thu phí sử dụng dịch vụ từ ngày 28/05/2024 và thời gian hoạt động theo phương án tài chính đến hết ngày 28/05/2041.

xii) Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả

Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa, lắp đặt và bán hàng trong các ngành sản xuất, xây dựng, vận tải, lưu trú, ẩm thực, quảng cáo và giáo dục.

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

xii) Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả (tiếp theo)

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 246.148.320.000 VND

xiii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Đường An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0107811191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/04/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 11/04/2024.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, và hoạt động liên quan đến bán buôn và bán lẻ sản phẩm thực phẩm, đồ uống, vải, máy móc và thiết bị vận tải hàng hóa, dịch vụ du lịch, giáo dục và hỗ trợ kinh doanh.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 20.000.000.000 VND

xiv) Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả

Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0305378621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26/12/2023.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng, sản phẩm gốm sứ, xi măng, bê tông, sắt, thép và các sản phẩm kim loại. Xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công trình công ích. Bán buôn máy móc, thiết bị điện và vật liệu xây dựng. Vận tải hàng hóa và hành khách đường bộ. Cung cấp dịch vụ lưu trú, ẩm thực, và quảng cáo. Kinh doanh bất động sản và tư vấn liên quan.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 410.524.650.000 VND

xv) Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long

Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên hai thành viên trở lên số 0107627178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2024.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ cho thuê văn phòng và trang trại; xây lắp; chăn nuôi, ...

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là: 233.000.000.000 VND



I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

6 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

xvi) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4800935176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp ngày 18/12/2023.

Ngành nghề kinh doanh: xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2024 là:

50.000.000.000 VND

Theo Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐQT ngày 08/12/2023 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1).

II KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán

Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi trên 3 tháng), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Tập đoàn phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

Nghịệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát (tiếp theo)

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

4 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghịệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4 Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng kỳ. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

5 Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

6 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Tập đoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ tài sản cố định hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOTBT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Tập đoàn, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng kỳ phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (hệ số thu hồi vốn được tính bằng tổng mức đầu tư chia cho doanh thu hòa vốn theo hợp đồng BOT). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận lũy kế từ khi dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

9 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

13 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

14 Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

15 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

15 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả (tiếp theo)

Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Tập đoàn sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

17 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.*

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

19 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

19 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

20 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

21 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCDN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

21 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính (tiếp theo)

Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

22 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Tập đoàn gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Tập đoàn; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

23 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

24 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

24 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

25 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

26 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Tiền mặt	4.668.357.973	4.765.371.333
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	515.079.703.951	623.477.009.721
Tiền đang chuyển	706.066.000	663.109.000
Các khoản tương đương tiền	1.073.499.116.889	1.245.747.766.460
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>1.073.499.116.889</i>	<i>1.245.747.766.460</i>
Cộng	1.593.953.244.813	1.874.653.256.514



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Ngắn hạn	284.023.081.940	284.023.081.940	284.023.081.940	284.023.081.940
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	284.023.081.940	284.023.081.940	284.023.081.940	284.023.081.940
Dài hạn	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Trái phiếu (***)	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	313.023.081.940	313.023.081.940	313.023.081.940	313.023.081.940
			565.620.976.997	565.620.976.997
			565.620.976.997	565.620.976.997
			29.000.000.000	29.000.000.000
			15.000.000.000	15.000.000.000
			14.000.000.000	14.000.000.000
			594.620.976.997	594.620.976.997

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 2,3%/năm đến 4,5%/năm. Trong đó các hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất là 4,2%/năm.

(***) Thông tin trái phiếu:

Tên tổ chức phát hành	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	200	10.000.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
			14.000.000.000			

Trong đó 1.200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32, Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (1) VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	441.167.249.517	-	-	410.475.297.780
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	392.042.738.378	-	-	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	285.814.292.276	-	-	271.679.188.072
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	55.562.848.153	-	-	56.006.116.739
Cộng	1.174.587.128.324	-	-	1.129.560.602.591



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)****Biến động trong đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Giá trị đầu tư tại ngày 30.06.2024	Đầu tư tăng thêm	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	Lãi mua rẻ ghi nhận tại thời điểm đầu tư	Phân chia lãi lỗ từ các công ty LDLK	Giá trị đầu tư tại ngày 01.01.2024
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	441.167.249.517	-	-	-	30.691.951.737	410.475.297.780
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	392.042.738.378	-	-	-	642.738.378	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	285.814.292.276	-	-	-	14.135.104.204	271.679.188.072
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	55.562.848.153	-	-	-	(443.268.586)	56.006.116.739
Cộng	1.174.587.128.324	-	-	-	45.026.525.733	1.129.560.602.591



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (1) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (1) VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (2)	166.225.460.000	-	154.283.460.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (3)	6.000.000.000	-	-	-
Cộng	177.725.460.000	-	159.783.460.000	-

- (1) Các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên BCTC theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- (2) Theo Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 HĐQT thông qua chủ trương tăng khoản vốn góp tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận thêm 1.194.200 cổ phần, thời gian thực hiện đến hết ngày 29/01/2024. Số cổ phần Công ty nắm giữ sau khi kết thúc giao dịch là 16.622.546 cổ phần.
- (3) Theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2024 HĐQT đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Doanh nghiệp dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT. Ngày 19 tháng 04 năm 2024 Công ty đã thực hiện góp vốn với tỷ lệ 12% vào Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên khác	959.967.369.501	729.118.915.225
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	456.704.495.444	300.862.065.972
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng INDEC	68.616.486.948	68.616.486.948
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	52.652.082.878	6.444.819.526
Ban Quản lý Dự án 7 - Bộ Giao thông Vận tải	42.147.992.000	13.712.192.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Agri-Vina	40.969.000.000	40.969.000.000
Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh Bình Định	24.235.111.000	75.735.096.000
Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	17.698.878.697	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phong	16.302.758.537	11.428.922.826
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	15.566.627.700	25.826.698.440
Ban Quản lý Dự án Đường Sắt	14.756.377.896	-
Ban Quản lý Dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận tải	13.522.245.703	13.522.245.703
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Quảng Ninh	10.049.246.000	10.049.246.000
Đối tượng khác	186.746.066.698	161.952.141.810
Bên liên quan	816.863.144.797	733.763.432.116
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	449.218.108.477	433.648.061.336
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	222.689.968.537	143.041.612.056
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	116.475.158.554	116.040.733.533
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch	16.089.410.785	16.089.410.785
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	8.994.278.695	16.234.368.570
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	2.743.306.639	1.559.305.274
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	314.077.664	61.738.665
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	106.900.000	6.906.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	62.099.058	62.099.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	74.486.458	23.852.909
Cộng	1.776.830.514.298	1.462.882.347.341

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	1.422.533.157.028	1.040.690.046.411
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	200.855.444.377	78.891.453.709
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	100.811.855.841	107.008.368.552
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	55.814.214.544	28.760.607.722
Công ty Cổ phần Xây Dựng Cầu Đường Thành Phát	55.170.614.069	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại An Bảo	54.059.465.543	58.540.760.468
Công ty TNHH Invictus	48.520.282.836	2.426.745.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp	41.253.515.690	29.420.534.767
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	37.637.607.313	41.451.198.340
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	35.499.263.068	41.080.628.370
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Trung Thành	33.678.460.066	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 18 Thăng Long	30.872.421.541	-
Công ty TNHH Hoàng Tùng	30.290.210.144	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Khánh Hòa	29.022.776.876	-
Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát Lợi	28.428.283.428	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bất động sản Thành Phát	-	36.333.221.419
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên	-	32.085.028.360
Đối tượng khác	626.259.712.292	570.332.470.004
Bên liên quan	42.240.923.916	34.820.337.925
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	7.051.306.875	1.332.946.437
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	1.702.225.553	-
Cộng	1.464.774.080.944	1.075.510.384.336

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	213.498.280.725	205.909.761.114
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	94.082.320.759	94.082.320.759
Ban Quản lý dự án 85	21.807.969.484	21.807.969.484
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	15.247.718.241	15.247.718.241
Công ty TNHH Minh Phát	11.899.747.000	11.899.747.000
Đối tượng khác	70.460.525.241	62.872.005.630
Cộng	213.498.280.725	205.909.761.114

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	219.327.157.985	219.299.548.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đầu tư Việt	153.831.000.000	157.473.548.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	22.570.136.985	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Huy Hoàng	288.000.000	9.526.000.000
Đối tượng khác	20.638.021.000	10.300.000.000
Bên liên quan	392.334.012.035	467.805.665.923
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	348.082.155.384	424.332.155.384
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	17.151.856.651	16.373.510.539
Cộng	611.661.170.020	687.105.213.923

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 5% đến 12%, thời gian thu hồi từ 6 tháng đến 12 tháng.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
Bên liên quan	334.908.712.669	625.514.920.435
Công ty Cổ phần Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	183.908.712.669	474.514.920.435
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả (3)	151.000.000.000	151.000.000.000
Cộng	337.408.712.669	628.014.920.435

- (1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 10,1%/năm.
(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10,33%/năm.
(3) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 8%/năm.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	964.686.957.109	912.343.923.096
Tạm ứng	302.177.688.054	268.179.996.193
Ký cược, ký quỹ	6.143.465.660	9.042.233.808
Phải thu khác	656.365.803.395	635.121.693.095
<i>Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Hữu Nghị - Chi Lăng (1)</i>	<i>100.297.480.000</i>	<i>84.800.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Kinh Bắc Thăng Long - Tây Hồ</i>	<i>89.744.403.242</i>	<i>89.744.403.242</i>
<i>Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án TP. Hồ Chí Minh – Trung Lương – Mỹ Thuận (2)</i>	<i>84.545.000.000</i>	<i>80.200.000.000</i>
<i>Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án (3)</i>	<i>50.026.143.559</i>	<i>50.026.143.559</i>
<i>Ban Chuẩn bị Đầu tư Dự án Đồng Đăng - Trà Lĩnh (4)</i>	<i>44.908.849.303</i>	<i>27.180.881.338</i>
<i>Hội đồng bồi thường hỗ trợ Tái định cư các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc</i>	<i>25.862.757.000</i>	<i>25.862.757.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>260.981.170.291</i>	<i>277.307.507.956</i>
Bên liên quan	153.253.847.035	152.804.487.006
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	101.034.445.362	83.175.108.859
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	30.249.643.837	24.226.191.782
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	9.989.240.143	7.812.777.927
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	8.718.511.229	7.353.710.683
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	2.950.954.409	2.733.837.481
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	249.912.329	247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	61.139.726	61.139.726
Thái Văn Hiến	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	11.942.000.000
Nguyễn Năng Dũng (5)	-	251.808.219
Cộng	1.117.940.804.144	1.065.148.410.102

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

- (1) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký ngày 15/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký tháng 04/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương Mại 559.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký tháng 01/2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình 568.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Lizen.

- (2) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án đầu tư mở rộng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo hình thức PPP ký ngày 20/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

- (3) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo hình thức đối tác công tư ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group.

Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư các dự án tại Bến Tre ký ngày 10/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group.

- (4) Theo thỏa thuận Hợp tác đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1) ký ngày 05/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả và Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình 568.

- (5) Nguyễn Năng Dũng không còn là bên liên quan từ ngày 20/06/2024.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	96.502.211.968	71.150.566.587
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành dự án	13.922.159.406	25.096.534.444
Ký cược, ký quỹ	22.981.680.467	21.087.521.732
Phải thu khác	59.598.372.095	24.966.510.411
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm Công nghiệp huyện Lạng Giang</i>	12.301.719.456	12.301.719.456
<i>Các đối tượng khác</i>	47.296.652.639	12.664.790.955
Bên liên quan	507.732.212.637	95.985.953.348
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	473.799.929.243	62.053.669.954
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	33.932.283.394	33.932.283.394
Cộng	604.234.424.605	167.136.519.935

7 NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

	Tại ngày 30.06.2024		
	Giá trị gốc	Giá trị có thể	Dự phòng
	VND	thu hồi	VND
		VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100
Đối tượng khác	7.268.137.733	-	7.268.137.733
Cộng	17.338.669.895	-	17.338.669.895

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7 NỢ XẤU (tiếp theo)

	Tại ngày 01.01.2024		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100
Đối tượng khác	7.268.137.733	-	7.268.137.733
Cộng	17.338.669.895	-	17.338.669.895

8 HÀNG TỒN KHO

	30.06.2024		01.01.2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	139.278.403.376	-	127.997.432.470	-
Công cụ, dụng cụ	5.824.166.101	-	3.221.643.043	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	884.960.855.210	-	622.001.130.181	-
Thành phẩm	21.506.400.205	-	26.914.562.017	-
Hàng hóa	6.161.379.406	-	174.692.270	-
Cộng	1.057.731.204.298	-	780.309.459.981	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.635.829.021	12.238.449.247
Các khoản khác	19.277.105.923	25.423.599.864
Cộng	34.912.934.944	37.662.049.111

b) Dài hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Lãi vay chờ phân bổ	7.179.575.718.745	6.346.075.824.005
Chênh lệch đánh giá lại QSDĐ	187.090.480.113	187.153.300.983
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	67.442.777.999	40.656.462.770
Tiền thuê đất trả tiền một lần	14.171.024.802	14.171.024.802
Các khoản khác	19.080.835.058	12.328.707.035
Cộng	7.467.360.836.717	6.600.385.319.595



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quần lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	30.079.410.708.781	764.212.882.746	236.080.752.870	79.790.939.037	58.536.319.462	31.218.031.602.896
2. Số tăng trong kỳ	150.900.139.322	34.381.968.052	10.144.731.884	2.340.269.546	1.705.352.240	199.472.461.044
Mua trong kỳ	1.318.708.099	34.381.968.052	10.144.731.884	2.340.269.546	1.705.352.240	49.891.029.821
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.033.614.537	-	-	-	-	13.033.614.537
Tặng khác	136.547.816.686	-	-	-	-	136.547.816.686
3. Số giảm trong kỳ	304.141.365.358	143.520.000	-	-	-	304.284.885.358
Thanh lý, nhượng bán	294.000.000	143.520.000	-	-	-	437.520.000
Giảm khác	303.847.365.358	-	-	-	-	303.847.365.358
4. Số dư cuối kỳ	29.926.169.482.745	798.451.330.798	246.225.484.754	82.131.208.583	60.241.671.702	31.113.219.178.582
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1.929.884.606.474	132.733.926.544	116.054.374.120	37.087.104.495	11.042.597.588	2.226.802.609.221
2. Khấu hao trong kỳ	177.266.231.208	55.772.164.749	14.722.287.514	5.257.757.041	3.040.919.742	256.059.360.254
Khấu hao trong kỳ	177.266.231.208	55.772.164.749	14.722.287.514	5.257.757.041	3.040.919.742	256.059.360.254
3. Số giảm trong kỳ	123.666.662	43.986.215	-	-	-	167.652.877
Thanh lý, nhượng bán	123.666.662	43.986.215	-	-	-	167.652.877
4. Số dư cuối kỳ	2.107.027.171.020	188.462.105.078	130.776.661.634	42.344.861.536	14.083.517.330	2.482.694.316.598
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	28.149.526.102.307	631.478.956.202	120.026.378.750	42.703.834.542	47.493.721.874	28.991.228.993.675
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	27.819.142.311.725	609.989.225.720	115.448.823.120	39.786.347.047	46.158.154.372	28.630.524.861.984



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	27.218.278.770.160 VND
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	77.027.072.078 VND

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 3.037.423.070.397 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.214.809.332.175 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.898.558.482.952 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.179.154.562.938 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.807.480.652.287 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – TP. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.381.113.012.794 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.370.961.507.566 VND.

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

- Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 3.038.620.880.732 VND (nguyên giá này không trích khấu hao)



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	133.257.450.447	11.796.594.556	145.054.045.003
2. Số tăng trong kỳ	-	4.417.780.909	4.417.780.909
Thuê trong kỳ	-	4.417.780.909	4.417.780.909
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	133.257.450.447	16.214.375.465	149.471.825.912
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	20.217.323.224	963.364.634	21.180.687.858
2. Khấu hao trong kỳ	10.305.136.608	771.095.291	11.076.231.899
Tăng trong kỳ	10.305.136.608	771.095.291	11.076.231.899
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	30.522.459.832	1.734.459.925	32.256.919.757
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	113.040.127.223	10.833.229.922	123.873.357.145
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	102.734.990.615	14.479.915.540	117.214.906.155



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chê VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	239.580.255.858	210.000.000	7.791.254.422	247.581.510.280
2. Số tăng trong kỳ	-	50.000.000	635.200.000	685.200.000
Mua trong kỳ	-	50.000.000	635.200.000	685.200.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	<u>239.580.255.858</u>	<u>260.000.000</u>	<u>8.426.454.422</u>	<u>248.266.710.280</u>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	90.203.401	-	3.139.594.275	3.229.797.676
2. Khấu hao trong kỳ	44.558.636	59.892.466	655.530.600	759.981.702
Khấu hao trong kỳ	44.558.636	59.892.466	655.530.600	759.981.702
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	<u>134.762.037</u>	<u>59.892.466</u>	<u>3.795.124.875</u>	<u>3.989.779.378</u>
III. Giá trị còn lại				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	<u>239.490.052.457</u>	<u>210.000.000</u>	<u>4.651.660.147</u>	<u>244.351.712.604</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	<u>239.445.493.821</u>	<u>200.107.534</u>	<u>4.631.329.547</u>	<u>244.276.930.902</u>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

189.156.848.689 VND

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

2.210.700.850 VND

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	119.032.641.461	206.236.823.277	325.269.464.738
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	119.032.641.461	206.236.823.277	325.269.464.738
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	31.757.165.960	-	31.757.165.960
2. Khấu hao trong kỳ	1.166.610.990	-	1.166.610.990
Khấu hao trong kỳ	1.166.610.990	-	1.166.610.990
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	32.923.776.950	-	32.923.776.950
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	87.308.703.021	206.203.595.757	293.512.298.778
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	86.108.864.511	206.236.823.277	292.345.687.788

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố
đảm bảo khoản vay là: 238.152.259.065 VND
Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn cho
thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: - VND

14 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	41.151.532.620	27.800.982.279
Mua sắm tài sản cố định	2.072.453.704	26.350.000
Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	629.348.527	170.630.457
Cộng	43.853.334.851	27.997.962.736

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****a) Ngắn hạn**

	30.06.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	996.657.911.924	996.657.911.924	1.210.478.366.658	1.210.478.366.658
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	57.423.063.396	57.423.063.396	57.423.063.396	57.423.063.396
Công ty TNHH SP4AN	33.870.628.071	33.870.628.071	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	30.012.796.217	30.012.796.217	27.611.308.037	27.611.308.037
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	29.198.310.667	29.198.310.667	29.971.947.611	29.971.947.611
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	23.709.921.114	23.709.921.114	21.533.539.459	21.533.539.459
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	15.408.169.450	15.408.169.450	43.067.445.079	43.067.445.079
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	4.691.956.213	4.691.956.213	63.517.062.964	63.517.062.964
Công ty Cổ phần Lizen	1.912.676.743	1.912.676.743	125.620.568.337	125.620.568.337
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	985.958.000	985.958.000	18.611.887.819	18.611.887.819
Đối tượng khác	742.698.117.797	742.698.117.797	734.448.743.045	734.448.743.045
Bên liên quan	265.615.067.068	265.615.067.068	259.322.019.625	259.322.019.625
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	147.102.161.182	147.102.161.182	119.226.931.741	119.226.931.741
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	82.040.102.168	82.040.102.168	106.027.009.105	106.027.009.105
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	33.547.612.067	33.547.612.067	31.668.998.779	31.668.998.779
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	2.925.191.651	2.925.191.651	2.399.080.000	2.399.080.000
Cộng	1.262.272.978.992	1.262.272.978.992	1.469.800.386.283	1.469.800.386.283

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	504.191.638.388	504.191.638.388	362.364.750.327	362.364.750.327
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xi nghiệp Đại Việt	84.873.463.105	84.873.463.105	92.873.463.105	92.873.463.105
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	36.716.790.003	36.716.790.003	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty Cổ phần Xây Dựng Và Đầu Tư Trung Hải	26.811.478.735	26.811.478.735	-	-
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	19.146.941.214	19.146.941.214	19.646.941.214	19.646.941.214
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	18.205.452.085	18.205.452.085	20.003.227.353	20.003.227.353
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam International	11.770.805.441	11.770.805.441	13.069.057.653	13.069.057.653
Đối tượng khác	306.666.707.805	306.666.707.805	198.752.840.287	198.752.840.287
Bên liên quan	50.977.962.702	50.977.962.702	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	50.655.042.702	50.655.042.702	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	322.920.000	322.920.000	-	-
Cộng	555.169.601.090	555.169.601.090	362.364.750.327	362.364.750.327



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	8.272.056.352	6.269.509.247
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hồ Chí Minh	1.159.969.757	-
Đối tượng khác	3.141.259.299	2.298.681.951
Bên liên quan	20.699.601.909	540.292.203
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	20.002.202.472	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	157.107.234	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	16.237.303	16.237.303
Cộng	28.971.658.261	6.809.801.450

b) Dài hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên khác	3.279.129.186.683	3.618.662.537.229
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	2.049.867.523.402	2.435.617.714.558
Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh - Bộ Giao thông Vận tải	184.449.026.870	204.553.026.870
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Tuyên Quang	178.875.990.400	-
Ban Quản lý Dự án 7 - Bộ Giao thông Vận tải	167.491.514.956	293.308.027.022
Ban Quản lý Dự án 6 - Bộ Giao thông Vận tải	163.827.000.000	163.827.000.000
Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	143.554.934.831	197.337.948.317
Ban Quản lý Dự án Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông	104.054.881.314	114.608.168.756
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Tỉnh Bình Dương	84.048.128.415	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Indec	70.049.355.328	70.049.355.328
Ban Quản lý Dự án Giao thông Tỉnh Bình Định	45.894.923.000	56.288.923.000
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	42.024.094.000	42.024.094.000
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	32.935.768.378	41.048.279.378
Ban Quản lý Dự án Đường sắt	12.056.045.789	-
Bên liên quan	-	107.682.026.638
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	-	84.005.735.488
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	23.676.291.150
Cộng	3.279.129.186.683	3.726.344.563.867

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp	Tại ngày 01.01.2024		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Tại ngày 30.06.2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.038.895.145		74.895.173.999		117.294.575.164		71.639.493.980	
Thuế thu nhập cá nhân	10.009.395.458		4.975.336.837		13.387.902.335		1.596.829.960	
Thuế giá trị gia tăng	20.565.724.316		63.672.245.248		77.484.517.326		6.753.452.238	
Thuế tài nguyên	1.797.675.939		10.362.754.614		8.761.913.067		3.398.517.486	
Thuế khác	2.079.225.922		15.697.987.406		16.290.860.310		1.486.353.018	
Cộng	148.490.916.780		169.603.498.104		233.219.768.202		84.874.646.682	
b) Phải thu	Tại ngày 01.01.2024		Số phải thu trong kỳ		Số đã thu trong kỳ		Tại ngày 30.06.2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	38.991.471.354		34.772.596.859		5.943.346.111		67.820.722.102	
Thuế thu nhập cá nhân	-		781.605		-		781.605	
Thuế khác	130.590		10.640.844		10.640.844		130.590	
Cộng	38.991.601.944		34.784.019.308		5.953.986.955		67.821.634.297	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế. Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	220.123.713.000	219.483.673.000
Chi phí trung tu, đại tu công trình	177.100.742.726	153.193.675.248
Trích trước chi phí xây lắp	137.444.903.483	45.541.299.331
Trích trước lãi vay	1.695.386.243	2.451.090.871
Các khoản khác	63.714.694.731	65.653.750.279
Cộng	600.079.440.183	486.323.488.729

b) Dài hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	4.919.805.170.530	4.391.663.261.974
Trích trước lãi vay	29.681.359.002	38.654.100.276
Các khoản khác	324.848.859.272	324.679.472.275
Cộng	5.274.335.388.804	4.754.996.834.525

(*) Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn, dài hạn chủ yếu là khoản lãi vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn và dự án hầm Đèo Cả - Cổ Mã - Cù Mông - Hải Vân), sẽ được chi trả bằng nguồn thu phí và tiến độ chi trả theo dòng tiền thực tế của dự án.

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	2.479.172.849	3.324.080.258
Cộng	2.479.172.849	3.324.080.258

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Doanh thu nhận trước	91.728.645.962	92.439.847.159
Cộng	91.728.645.962	92.439.847.159

20 PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên khác	677.156.561.333	633.637.017.060
Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	332.914.546.338	332.914.546.338
Các khoản khác	344.242.014.995	300.722.470.722
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group (1)(2)	49.967.800.000	49.967.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh (1)(2)	40.941.000.000	40.941.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	35.000.000.000	35.000.000.000
Đối tượng khác	218.333.214.995	174.813.670.722
Bên liên quan	205.029.419.823	171.560.045.726
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (3)(4)	170.822.628.380	170.790.058.518
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	30.177.415.329	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Đô thị Nam Quảng Ngãi	3.094.592.329	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	719.987.208	719.987.208
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	164.796.577	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	50.000.000	50.000.000
Cộng	882.185.981.156	805.197.062.786

(1) Theo thoả thuận hợp tác đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Tân Phú (Tỉnh Đồng Nai) – Bảo Lộc (Tỉnh Lâm Đồng) theo hình thức đối tác công tư ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG), Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(2) Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư các dự án tại Bến Tre ký ngày 10/10/2020 giữa DCG, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group.

(3) Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư dự án tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT ký ngày 15/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

(4) Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư dự án đầu tư mở rộng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận theo hình thức PPP ký ngày 20/12/2023 giữa DCG và Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả.

b) Dài hạn

	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	31.046.000.000	30.446.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.919.766.299	53.484.473.182
Phải trả bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	32.612.315.509	43.034.198.538
Đối tượng khác	10.307.450.790	10.450.274.644
Cộng	73.965.766.299	83.930.473.182

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thach Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****a) Ngắn hạn**

	Tại ngày		Phát sinh trong kỳ			Tại ngày	
	30.06.2024	Giá trị VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tăng VND	Giảm VND	01.01.2024	Giá trị VND
Bên khác	1.645.544.535.210		241.617.871.116	429.698.620.304	875.709.685.545	1.849.937.729.335	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	685.500.000.000		191.700.000.000	-	229.200.000.000	723.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	269.217.698.534		3.189.989.894	179.618.502.809	313.295.805.060	399.705.010.891	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	234.816.398.013		10.610.944.446	62.194.720.693	97.869.844.190	259.880.577.064	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	139.085.186.360		628.726.858	145.918.395.767	186.602.433.105	179.140.496.840	
Ngân hàng TMCP Việt A - CN Hà Nội	48.735.000.000		33.300.000.000	-	15.420.000.000	30.855.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	35.127.474.168		-	37.403.364.673	10.311.174.501	8.035.283.996	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN4 TP.HCM	9.500.000.000		-	3.800.000.000	3.800.000.000	9.500.000.000	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TP.HCM	8.881.941.858		1.301.905.530	-	7.580.036.328	15.160.072.656	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	5.660.457.186		886.304.388	-	4.774.152.798	9.548.305.596	
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	3.950.266.008		-	-	3.950.266.008	7.900.532.016	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	2.840.004.000		-	-	-	2.840.004.000	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	139.200.000		-	-	139.200.000	278.400.000	
Đội tương khác	2.600.000.000		-	-	2.766.773.555	5.366.773.555	
Trái phiếu (2)	199.490.909.083		-	763.636.362	-	198.727.272.721	
Mệnh giá phát hành	200.000.000.000		-	-	-	200.000.000.000	
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	(509.090.917)		-	763.636.362	-	(1.272.727.279)	
Bên liên quan	25.900.000.000		-	-	500.000.000	26.400.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Đô thị Nam Quảng Ngãi	25.900.000.000		-	-	500.000.000	26.400.000.000	
Cộng	1.671.444.535.210		241.617.871.116	429.698.620.304	876.209.685.545	1.876.337.729.335	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (1)	22.841.000.000.000	180 – 312 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
NH TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội (1)	1.148.942.000.000	233 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
NH TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	5.628.800.098.143	Theo từng lần nhận nợ không quá 12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và quyền sử dụng đất
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN4 TP. HCM	10.000.000.000	11 tháng	8,5%/năm	Trái phiếu doanh nghiệp
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	300.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	450.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	2.509.492.000.000	11 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu Đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	3 tháng	9,7%/năm	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (Đèo Cả- Cù Mông - Hải Vân, Bắc Giang - Lạng Sơn, Phước Tượng - Phú Gia), được trả theo phương án tài chính dựa trên nguồn thu phí hàng năm của các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

(2) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

	Đầu năm			Cuối năm		
	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn
Trái phiếu thường	200.000.000.000	11,5%/năm	3 năm	200.000.000.000	11,5%/năm	3 năm

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 22.937.534 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Đèo Cả, tương ứng với tổng giá trị hợp lý tối thiểu 150% giá trị phát hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Tại ngày 30.06.2024		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2024	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	
Bên khác	19.373.001.204.907	29.453.652.300	1.974.916.334	241.617.871.116	19.587.140.340.057	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	18.134.492.822.777	-	-	191.700.000.000	18.326.192.822.777	
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	876.021.132.333	-	-	33.300.000.000	909.321.132.333	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	134.672.782.061	3.876.600.000	-	3.189.989.894	133.986.171.955	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	79.216.722.220	19.237.000.000	-	10.610.944.446	70.590.666.666	
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	46.333.925.034	4.814.690.000	554.913.424	1.301.905.530	43.376.053.988	
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (1)	33.035.000.000	-	-	-	33.035.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	22.719.976.000	-	1.420.002.000	-	24.139.978.000	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	18.921.098.164	-	-	886.304.388	19.807.402.552	
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (2)	12.988.141.103	-	-	-	12.988.141.103	
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	9.754.244.743	-	910	-	9.754.245.653	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.706.160.472	1.525.362.300	-	628.726.858	3.809.525.030	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	139.200.000	-	-	-	139.200.000	
Cộng	19.373.001.204.907	29.453.652.300	1.974.916.334	241.617.871.116	19.587.140.340.057	



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
b) Dài hạn (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	99.693.166.666	60 tháng	7,4 – 8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong	312.943.104.740	36 - 72 tháng	9,15 – 11,45%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	11,45%/năm	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	40.928.778.340	48 tháng	8,67%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	69.569.541.000	60 tháng	6,9 - 7,2%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3 – 7,2%/năm	Ký cược
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	22.841.000.000.000	180 – 312 tháng	Ghi trên từng giấy nhân nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Ghi trên từng giấy nhân nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	20.329.960.000	24 - 36 tháng	6,7 – 7,2%/năm	Ký cược

- (1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long
 (2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

22 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LOẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	147.919.613.372	150.221.028.615
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	147.919.613.372	150.221.028.615

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30.06.2024	01.01.2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	202.020.998.919	203.332.395.072
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	202.020.998.919	203.332.395.072

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**23 VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác (*) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2023	4.206.517.150.000	(537.900.000)	-	32.255.331.777	4.210.358.842	268.208.723.457	3.272.808.312.802	4.209.850.278.495	11.993.312.255.373
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	587.174.896.371	587.174.896.371
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	155.397.533.398	-	151.519.206.587	306.916.739.985
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.954.927.944)	-	(3.952.751.733)	(5.907.679.677)
Trả thù lao	-	-	-	-	-	(203.106.600)	-	(750.893.400)	(954.000.000)
Thay đổi từ tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty con	-	-	-	49.587.838	-	412.080.031.078	-	(371.385.812.817)	40.743.806.099
Chia cổ tức	-	-	45.871.223.229	-	-	(256.197.080.729)	-	(169.587.786.771)	(379.913.644.271)
Tại ngày 30.06.2023	4.206.517.150.000	(537.900.000)	45.871.223.229	32.304.919.615	4.210.358.842	577.331.172.660	3.272.808.312.802	4.402.867.136.732	12.541.372.373.880
Tại ngày 01.01.2024	4.206.517.150.000	(876.900.000)	45.871.223.229	34.339.789.857	4.210.358.842	598.765.962.491	3.272.808.312.802	4.566.852.449.395	12.728.488.346.616
Vốn tăng trong kỳ	-	6.956.562.000	-	-	-	-	-	-	6.956.562.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	177.210.935.518	-	212.583.606.236	389.794.541.754
Trích quỹ đầu tư phát triển (1)	-	-	-	1.561.586.376	-	(1.561.586.376)	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	302.507.418	(302.507.418)	-	-	-
Trả thù lao (2)	-	-	-	-	-	(165.936.450)	-	(788.063.550)	(954.000.000)
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	(1.643.051.036)	-	-	(1.643.051.036)
Thay đổi từ tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	(56.994.613.308)	-	1.014.399.277.570	957.404.664.262
Chuyển lãi chưa thực hiện thành lãi thực hiện từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	258.635.772	-	-	258.635.772
Chia cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	-	(1.404.000.000)	(1.404.000.000)
Tại ngày 30.06.2024	4.206.517.150.000	6.079.662.000	45.871.223.229	35.901.376.233	4.512.866.260	715.567.839.193	3.272.808.312.802	5.791.643.269.651	14.078.901.699.368



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Đây là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cập nhật vào tổng mức đầu tư của Dự án tại quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 4/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm hầm Đèo Cả, hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân); Theo đó, nguồn vốn này được giao cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT nhằm đảm bảo phương án tài chính đã ký với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(1) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 1.643.051.036 VND và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.643.051.036 VND. Đồng thời theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trong Tập đoàn đã thông qua việc trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 1.739.172.300 VND.

(2) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trong Tập đoàn đã thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

(3) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/02/2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát trong Tập đoàn thông qua phương chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.06.2024		01.01.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.458.241.920.000	34,67%	1.458.241.920.000	34,67%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	725.843.530.000	17,26%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	257.472.570.000	6,12%
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	217.686.300.000	5,17%	217.686.300.000	5,17%
Khương Văn Cường	217.500.000.000	5,17%	217.500.000.000	5,17%
Đối tượng khác	1.329.772.830.000	31,61%	1.329.772.830.000	31,61%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	4.206.517.150.000	100,00%

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.404.000.000	379.913.644.271

23.4 Cổ phiếu

	30.06.2024		01.01.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<u>420.651.715</u>	<u>-</u>	<u>420.651.715</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>420.651.715</u>	<u>-</u>	<u>420.651.715</u>	<u>-</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại:

	30.06.2024	01.01.2024
Dollar Mỹ (USD)	<u>200,08</u>	<u>200,08</u>

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu các trạm thu phí BOT	962.242.167.599	792.115.321.867
Doanh thu hợp đồng xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	2.971.487.788.396	1.010.747.926.835
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	5.218.218.936	10.715.829.771
Doanh thu bán hàng hóa	31.497.608.976	10.009.782.951
Doanh thu bán thành phẩm	11.692.799.453	40.409.720.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.958.139.871	47.942.540.802
Doanh thu khác	15.381.410.588	7.627.622.086
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	4.045.478.133.819	1.919.568.744.392
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	575.167.726.790	727.909.466.708
Doanh thu hợp đồng xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	571.160.176.254	726.621.127.809
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.007.550.536	1.288.338.899

2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	319.228.457.458	303.695.483.623
Giá vốn hoạt động xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	2.714.385.599.392	882.298.082.279
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	3.119.511.693	4.081.963.237
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.127.060.776	9.058.629.921
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.112.682.373	30.296.388.878
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.583.321.861	41.719.643.520
Giá vốn khác	7.241.932.120	2.425.295.075
Cộng	3.120.798.565.673	1.273.575.486.533



VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	76.119.266.679	131.487.956.470
Lãi từ hợp tác kinh doanh	13.018.498.289	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.636.000.000	-
Doanh thu tài chính khác	438.008	-
Cộng	89.138.202.976	131.487.956.470

4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Chi phí lãi vay	432.839.949.724	360.800.135.954
Chi phí phát hành trái phiếu	763.636.362	763.636.362
Lỗ từ hợp đồng đặt cọc chứng khoán	172.178.921	51.107.185.618
Chi phí tài chính khác	7.718.254.730	-
Cộng	441.494.019.737	412.670.957.934

5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.317.323.477	5.036.141.705
Chi phí nhân viên	58.569.745.183	47.010.699.777
Chi phí khấu hao	10.081.046.184	3.008.839.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.485.383.214	48.437.875.764
Các chi phí khác	25.751.998.038	17.250.202.367
Cộng	151.205.496.096	120.743.758.614

6 THU NHẬP KHÁC

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Lãi mua rẻ công ty	-	58.162.953.066
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	1.275.012.212
Các khoản khác	4.475.274.434	4.527.600.797
Cộng	4.475.274.434	63.965.566.075

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7 CHI PHÍ KHÁC

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	1.406.114.063
Các khoản khác	5.004.979.556	2.762.504.428
Cộng	5.004.979.556	4.168.618.491

8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.105.155.325.711	889.448.171.983
Chi phí nhân công	589.530.236.835	313.691.249.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	272.314.520.147	214.470.771.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.032.930.941	611.399.318.338
Chi phí khác bằng tiền	242.930.773.164	169.331.863.005
Cộng	3.534.963.786.798	2.198.341.374.162

9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	73.399.298.307	57.171.627.146
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	1.495.875.692	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	74.895.173.999	57.171.627.146

10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	925.360.147	(22.249.262.360)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	925.360.147	(22.249.262.360)

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	177.210.851.904	155.447.109.682
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	420.651.715	420.651.715
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	421	370

12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	177.210.851.904	155.447.109.682
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	210.325.857	408.052.063
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	420.651.715	420.651.715
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	281	188

(*) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2024 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty về việc thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 6.309.775.720.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, số lượng cổ phần dự kiến còn lại phải phát hành thêm là 210.325.857 cổ phần.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- 1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có
- 2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có
- 3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	459.152.272.604	550.489.546.513

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	30.06.2024 VND	30.06.2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	861.186.032.411	601.204.701.439

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Khoản cam kết	14.486.012.052	68.369.298.970	13.482.406.846	96.337.717.868
Cộng	14.486.012.052	68.369.298.970	13.482.406.846	96.337.717.868

b) Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Khoản cam kết	34.093.233.780	-	-	34.093.233.780
Cộng	34.093.233.780	-	-	34.093.233.780

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: (tiếp theo)

c) Cam kết vốn

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Khoản cam kết vốn (i)	388.760.803.500	13.922.900.196.500	-	14.311.661.000.000
Khoản cam kết khác (ii)	15.272.239.000	-	-	15.272.239.000
Cộng	404.033.042.500	13.922.900.196.500	-	14.326.933.239.000

(i) Công ty đã ký kết các thỏa thuận góp vốn theo các Hợp đồng BOT sau:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh – Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT- UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền) với Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án).

Theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 12/HĐ.BOT- LANGSON giữa UBND tỉnh Lạng Sơn (Cơ quan có thẩm quyền) với Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 - Công ty Cổ phần Lizen (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (Doanh nghiệp dự án).

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, thành viên của Tập đoàn, cũng đã ký kết các thỏa thuận góp vốn theo các Hợp đồng BOT sau:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án) trong tương lai theo hợp đồng này nguồn vốn nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án, Công ty cam kết sẽ thực hiện góp vốn 15% tổng vốn điều lệ Doanh nghiệp dự án với số tiền là 216.619.500.000 VND.

Công ty cam kết có góp vốn vào doanh nghiệp dự án trong tương lai theo thỏa thuận tại hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh – Chuyển giao (Hợp đồng BOT) được trình bày như sau:

(ii) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024:

Ngày 06/08/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Công ty con của Công ty đã ký Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án BOT với tổng mức đầu tư mới là 18.903.890.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3 Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Tập đoàn, Tập đoàn được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV ra bên ngoài	40.409.720.080	57.952.323.753	1.010.747.926.835	10.715.829.771	792.115.321.867	7.627.622.086	1.919.568.744.392
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp DV	40.409.720.080	57.952.323.753	1.010.747.926.835	10.715.829.771	792.115.321.867	7.627.622.086	1.919.568.744.392
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.113.331.202	7.174.050.312	128.449.844.556	6.633.866.534	488.419.838.244	5.202.327.011	645.993.257.859
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(120.743.758.614)
LN từ hoạt động KD							525.249.499.245
Doanh thu hoạt động tài chính							131.487.956.470
Chi phí tài chính							(412.670.957.934)
Thu nhập khác							63.965.566.075
Chi phí khác							(4.168.618.491)
Phân lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết							38.025.235.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(57.171.627.146)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							22.249.262.360
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							306.966.316.269
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác							(301.098.037.113)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại							(214.470.771.528)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV ra bên ngoài	11.692.799.453	79.455.748.847	2.971.487.788.396	5.218.218.936	962.242.167.599	15.381.410.588	4.045.478.133.819
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp DV	11.692.799.453	79.455.748.847	2.971.487.788.396	5.218.218.936	962.242.167.599	15.381.410.588	4.045.478.133.819
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.580.117.080	11.745.366.210	257.102.189.004	2.098.707.243	643.013.710.141	8.139.478.468	924.679.568.146
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(151.205.496.096)
LN từ hoạt động KD							773.474.072.050
Doanh thu hoạt động tài chính							89.138.202.976
Chi phí tài chính							(441.494.019.737)
Thu nhập khác							4.475.274.434
Chi phí khác							(5.004.979.556)
Phân lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết							45.907.463.728
Chi phí thuế TNDN hiện hành							(74.895.173.999)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							(925.360.147)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							390.675.479.749
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác							(161.307.740.477)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại							(272.314.520.147)

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 01.01.2024

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	865.902.998.171	1.091.220.280.474	6.363.726.678.860	168.919.895.112	34.648.048.261.987	121.562.863.202	43.259.380.977.806
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.151.022.091.516
Tổng tài sản	865.902.998.171	1.091.220.280.474	6.363.726.678.860	168.919.895.112	34.648.048.261.987	121.562.863.202	46.410.403.069.322
Nợ phải trả bộ phận	268.641.544.284	163.834.746.620	5.983.916.685.370	26.176.248.085	26.125.617.560.772	13.409.453.125	32.581.596.238.256
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.100.318.484.450
Tổng nợ phải trả	268.641.544.284	163.834.746.620	5.983.916.685.370	26.176.248.085	26.125.617.560.772	13.409.453.125	33.681.914.722.706

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 30.06.2024

	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	853.611.876.632	1.534.089.009.032	5.980.402.065.251	166.913.695.032	35.162.556.028.851	245.464.510	43.697.818.139.309
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.826.000.683.486
Tổng tài sản	853.611.876.632	1.534.089.009.032	5.980.402.065.251	166.913.695.032	35.162.556.028.851	245.464.510	47.523.818.822.794
Nợ phải trả bộ phận	371.726.114.134	307.816.321.166	5.770.467.529.294	19.259.806.938	25.676.632.290.965	24.100.295.143	32.170.002.357.640
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.274.914.765.786
Tổng nợ phải trả	371.726.114.134	307.816.321.166	5.770.467.529.294	19.259.806.938	25.676.632.290.965	24.100.295.143	33.444.917.123.426

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo theo Khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là trong nước, do đó Tập đoàn lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023			
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	339.749.778.650	1.687.206.995.649	(107.388.029.907)	1.919.568.744.392
Tài sản bộ phận	14.444.914.165.429	29.787.269.841.695	(454.138.769.054)	43.778.045.238.070
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(301.098.037.113)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024			
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	263.729.038.099	2.964.755.801.783	816.993.293.937	4.045.478.133.819
Tài sản bộ phận	13.927.835.824.852	32.718.891.339.940	877.972.595.997	47.524.699.760.789
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(161.307.740.477)

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.593.953.244.813	-	1.874.653.256.514	-	1.593.953.244.813	1.874.653.256.514
Phải thu khách hàng	1.776.830.514.298	(11.569.351.882)	1.462.882.347.341	(11.254.151.882)	1.765.261.162.416	1.451.628.195.459
Trả trước cho người bán	1.678.272.361.669	(4.766.284.177)	1.281.420.145.450	(1.301.620.413)	1.673.506.077.492	1.280.118.525.037
Phải thu về cho vay	949.069.882.689	-	1.315.120.134.358	-	949.069.882.689	1.315.120.134.358
Các khoản phải thu khác	1.722.175.228.749	(1.003.033.836)	1.232.284.930.037	(873.033.836)	1.721.172.194.913	1.231.411.896.201
Đầu tư tài chính ngắn hạn	284.023.081.940	-	565.620.976.997	-	284.023.081.940	565.620.976.997
Đầu tư tài chính dài hạn	1.382.193.526.319	-	1.318.344.062.591	-	1.382.193.526.319	1.318.344.062.591
Cộng	9.386.517.840.477	(17.338.669.895)	9.050.325.853.288	(13.428.806.131)	9.369.179.170.582	9.036.897.047.157

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thach Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách				Giá trị hợp lý	
	Tại ngày 30.06.2024		Tại ngày 01.01.2024		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán (1)	1.817.442.580.082	-	1.832.165.136.610	-	1.817.442.580.082	1.832.165.136.610
Người mua trả tiền trước	3.308.100.844.944	-	3.733.154.365.317	-	3.308.100.844.944	3.733.154.365.317
Vay và nợ (2)	21.044.445.740.117	-	21.463.478.069.392	-	21.044.445.740.117	21.463.478.069.392
Phải trả người lao động	51.998.059.733	-	67.472.079.569	-	51.998.059.733	67.472.079.569
Các khoản phải trả khác	1.050.359.566.266	-	984.891.463.385	-	1.050.359.566.266	889.127.535.968
Cộng	27.272.346.791.142	-	28.081.161.114.273	-	27.272.346.791.142	27.985.397.186.856

(1) Khoản phải trả cho người bán chủ yếu là các khoản tiền bảo hành và tiền giữ lại chờ quyết toán tại các doanh nghiệp dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả, dự án hầm đường bộ Phước Tường - Phú Gia). Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền thu phí của các dự án. Hiện nay, các dự án này đều đã hình thành tài sản và được đưa vào khai thác, vận hành thu phí với doanh thu tăng trưởng ổn định hàng năm. Nguồn trả nợ đến từ nguồn thu phí của chính các dự án với lịch trả nợ được xây dựng phù hợp với dòng tiền thực tế của từng dự án.

(2) Vay và nợ chủ yếu là các khoản nợ vay dài hạn của các công ty con tại các tổ chức tín dụng tài trợ cho dự án hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả, dự án hầm đường bộ Phước Tường - Phú Gia). Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền thu phí của các dự án. Hiện nay, các dự án này đều đã hình thành tài sản và được đưa vào khai thác, vận hành thu phí với doanh thu tăng trưởng ổn định hàng năm. Nguồn trả nợ đến từ nguồn thu phí của chính các dự án với lịch trả nợ được xây dựng phù hợp với dòng tiền thực tế của từng dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30.06.2024	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Phải trả cho người bán	1.262.272.978.992	555.169.601.090	-	1.817.442.580.082
Người mua trả tiền trước	28.971.658.261	3.279.129.186.683	-	3.308.100.844.944
Vay và nợ	1.671.444.535.210	10.387.192.042.456	8.985.809.162.451	21.044.445.740.117
Chi phí phải trả	600.079.440.183	5.274.335.388.804	-	5.874.414.828.987
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.021.537.860.420	76.362.700.868	5.500.000.000	1.103.400.561.288
Cộng	4.584.306.473.066	19.572.188.919.901	8.991.309.162.451	33.147.804.555.418

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Tập đoàn là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Tập đoàn đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Tập đoàn:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Tập đoàn thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở giả định Tập đoàn sẽ hoạt động liên tục.

8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2023 kết thúc vào ngày 30/06/2023 đã được soát xét bởi đơn vị kiểm toán này.

TP. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Mạnh

An Văn Thiện

Khương Văn Cường

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT
Khương Văn Cương	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc
Nguyễn Năng Dũng	Cổ đông (đến ngày 20/06/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Vĩnh
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cương, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	Cổ đông, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Phạm Ngọc Quý
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cương, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cương
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quang Vĩnh
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quang Vĩnh, ông Nguyễn Minh Giang



II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024 (*)	30.06.2023
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		1.262.500.000	1.146.666.667
1. Hội đồng quản trị		1.112.500.000	996.666.667
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Võ Thụy Linh	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Phan Văn Thắng	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Phùng Tiến Thành	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Quốc Ánh	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch	120.000.000	6.666.667
Nguyễn Văn Hải	Thành viên	-	85.000.000
	(đến ngày 20/06/2023)		
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập	90.000.000	5.000.000
Nguyễn Minh Giang	Thành viên	2.500.000	-
	(từ ngày 26/06/2024)		
2. Ban Kiểm soát		150.000.000	150.000.000
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban	90.000.000	90.000.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên	-	30.000.000
	(đến ngày 30/11/2023)		
Phạm Văn Hùng	Thành viên		30.000.000
	(đến ngày 26/06/2024)	29.166.667	
Hồ Thị Hương	Thành viên	30.000.000	-
Phạm Ngọc Quý	Thành viên		-
	(từ ngày 26/06/2024)	833.333	

(*) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2024 ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2024 theo Tờ trình số 02/2024/Tr-HĐQT ngày 27/05/2024.

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2024	30.06.2023
		VND	VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc		2.902.652.998	2.542.736.629
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	219.141.960	219.300.000
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	153.000.000	164.000.000
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc	489.300.000	123.500.000
Hồ Đình Chung	Tổng giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	-	283.659.091
Nguyễn Văn Hải	Tổng giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	-	103.100.000
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	360.029.285	358.300.000
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	355.800.000	357.932.494
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	324.867.467	322.300.000
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	319.800.000	275.734.783
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc	278.714.286	100.740.261
Dương Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc (từ 02/05/2024)	81.000.000	-
An Văn Thiện	Kế toán trưởng (từ ngày 01/03/2023)	321.000.000	136.170.000
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	-	98.000.000
Tiền lương Ban kiểm soát		399.957.143	578.600.000
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	280.600.000	282.100.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (đến ngày 30/11/2023)	-	242.500.000
Phạm Văn Hùng	Thành viên (đến ngày 26/06/2024)	-	54.000.000
Hồ Thị Hường	Thành viên (từ ngày 30/11/2023)	119.357.143	-
Cộng		4.565.110.141	4.268.003.296



II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng 2024 VND	6 tháng 2023 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi đi vay Chi cổ tức Trả tiền góp vốn	166.666.667 - 63.076.713 702.308.880 -	500.606.061 131.412.000 - 36.292.176.500 4.301.100.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh	Góp vốn Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Thanh lý công cụ dụng cụ	- 3.704.829.105 25.575.641.522 6.023.452.055 -	165.000.000.000 1.072.951.629 29.093.421.678 5.990.356.165 147.371.354
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	1.630.653.738	9.843.605.191
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tân Đông	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Lãi cho vay Cho vay Thu gốc cho vay Chi tiền hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	387.045.827.352 - 17.417.028.558 - 308.023.236.324 398.727.761.000 13.018.498.289	598.722.901.280 71.700.000.000 27.775.784.779 2.954.243.559 - - -

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng 2024	6 tháng 2023
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý	Lãi cho vay Chi cổ tức Trả tiền góp vốn	- 702.308.880 -	700.000.000 - 4.301.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang	Thu gốc cho vay Lãi cho vay Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	76.250.000.000 17.859.336.503 69.074.210	131.008.000.000 27.417.748.033 64.416.355
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn Lãi cho vay	48.227.341.409 11.942.000.000 778.346.112	32.954.738.124 154.283.460.000 6.027.102.998
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Công ty liên quan của ông Lê Quỳnh Mai, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Nguyễn Quang Vĩnh	Góp vốn	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Cho vay Lãi đi vay Lãi cho vay Thu gốc cho vay	134.256.353.755 19.816.048.766 8.500.000.000 32.569.862 331.507 8.500.000.000	83.970.792.623 53.720.729.817 - - - -

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng 2024 VND	6 tháng 2023 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Lãi cho vay	1.499.336.546	1.360.150.685
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Mua tài sản cố định	233.647.221 181.391.537.732 467.710.800	- - -
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh (đến ngày 18/03/2023)	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay	- - -	19.404.659.720 1.129.090.591 271.359.589
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital (Tên cũ Công ty TNHH Đèo Cả Capital)	Cổ đông, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Phạm Ngọc Quý	Nhận cổ tức	-	10.884.315.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Nhận gốc vay Trả nợ gốc vay Lãi đi vay	- - 500.000.000 1.256.429.042	19.558.915 26.400.000.000 - -
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Vinh	Thu lại tiền góp vốn	-	78.380.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ
32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp Dịch vụ khác	449.218.108.477 222.689.968.537	433.648.061.336 143.041.612.056
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh	Dịch vụ xây lắp	116.475.158.554	116.040.733.533
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh	Dịch vụ khác	16.089.410.785	16.089.410.785
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng	Dịch vụ khác	8.994.278.695	16.234.368.570
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh	Dịch vụ khác	2.743.306.639	1.559.305.274
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường	Dịch vụ khác	314.077.664	61.738.665
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Dịch vụ khác	106.900.000	6.906.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Vĩnh	Dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang	Dịch vụ khác	74.486.458	23.852.909
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Dịch vụ khác	62.099.058	62.099.058

Cộng

816.863.144.797

733.763.432.116



III SỐ DỮ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
b) Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Dịch vụ xây lắp	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	7.051.306.875	1.332.946.437
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường	Dịch vụ xây lắp	1.702.225.553	-
Cộng			42.240.923.916	34.820.337.925
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang	Cho vay ngắn hạn	348.082.155.384	424.332.155.384
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Cho vay ngắn hạn	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh	Cho vay ngắn hạn	17.151.856.651	16.373.510.539
Cộng			392.334.012.035	467.805.665.923



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ
32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

III SỐ DỮ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
d) Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Cho vay dài hạn	183.908.712.669	474.514.920.435
Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh	Cho vay dài hạn	151.000.000.000	151.000.000.000
Cộng			334.908.712.669	625.514.920.435
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang	Lãi cho vay	101.034.445.362	83.175.108.859
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh	Lãi cho vay	30.249.643.837	24.226.191.782
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Khác	9.989.240.143	7.812.777.927
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang	Lãi cho vay	8.718.511.229	7.353.710.683
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay	2.950.954.409	2.733.837.481
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh	Lãi cho vay	249.912.329	247.912.329
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý	Lãi cho vay	61.139.726	61.139.726
Thái Văn Hiến	Cổ đông	Khác	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh	Góp vốn	-	11.942.000.000
Nguyễn Năng Dũng Cộng	Cổ đông (đến ngày 20/06/2024)		251.808.219	
			153.253.847.035	152.804.487.006

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
f) Các khoản phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tân Đông	Hợp tác kinh doanh	473.799.929.243	62.053.669.954
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý	Tạm ứng cổ tức	33.932.283.394	33.932.283.394
Cộng			507.732.212.637	95.985.953.348
g) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	147.102.161.182	119.226.931.741
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tân Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	82.040.102.168	106.027.009.105
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	33.547.612.067	31.668.998.779
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.925.191.651	2.399.080.000
Cộng			265.615.067.068	259.322.019.625

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024	01.01.2024
			VND	VND
h) Phải trả người bán dài hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	50.655.042.702	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	322.920.000	-
	Cộng		50.977.962.702	
i) Người mua ứng tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	20.002.202.472	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, ông Nguyễn Quang Vinh	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương – Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp	157.107.234	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường	Dịch vụ xây lắp	16.237.303	16.237.303
	Cộng		20.699.601.909	540.292.203



III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
j) Người mua ứng tiền trước dài hạn Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh, liên kết, người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Khương Văn Cường, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Quốc Anh	Dịch vụ xây lắp Dịch vụ xây lắp	- -	84.005.735.488 23.676.291.150
Cộng			-	107.682.026.638
k) Phải trả ngắn hạn khác Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Khương Văn Cường, ông Nguyễn Minh Giang, ông Nguyễn Hữu Hùng, ông Phan Văn Thắng, ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Tấn Đông, ông Phùng Tiến Thành, ông Nguyễn Quốc Anh	Khác	170.822.628.380	170.790.058.518
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Khu Đô Thị Nam Quảng Ngãi Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý, ông Khương Văn Cường Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Nguyễn Minh Giang Công ty con của Công ty liên doanh, liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả, người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh, ông Phạm Ngọc Quý	Khác Lãi vay Lãi vay	30.177.415.329 3.094.592.329 719.987.208	- - 719.987.208
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, ông Võ Thụy Linh Công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, ông Nguyễn Hữu Hùng	Cổ tức Ký quỹ	164.796.577 50.000.000	- 50.000.000
Cộng			205.029.419.823	171.560.045.726

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2024 VND	01.01.2024 VND
I) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Khu Đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh, ông Nguyễn Minh Giang	Vay ngắn hạn	25.900.000.000	26.400.000.000
Cộng			25.900.000.000	26.400.000.000

